

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/2011/TT-BTC

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2011

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 108/2007/TT-BTC ngày 07/9/2007 của Bộ Tài chính về hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)

Căn cứ Luật quản lý nợ công;

Căn cứ Nghị định số 79/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 về nghiệp vụ quản lý nợ công;

Căn cứ Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA);

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 108/2007/TT-BTC ngày 07/9/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án ODA như sau:

Điều 1.**1. Sửa đổi đoạn thứ sáu, điểm 1, mục IV, phần I như sau:**

“Kế hoạch tài chính hàng năm của dự án thuộc diện NSNN cấp phát đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, thông báo là cơ sở để kiểm soát thanh toán, rút vốn đối ứng và vốn ODA cho dự án. Sau khi có kế hoạch tài chính được duyệt, Ban quản lý dự án thuộc diện NSNN cấp phát gửi kế hoạch tài chính năm cho Cơ quan kiểm soát chi.”

2. Sửa đổi điểm 1, mục V, phần I như sau:

“1. Ngân hàng phục vụ:

a) “Ngân hàng phục vụ” là một ngân hàng thương mại được lựa chọn trong danh sách các ngân hàng thương mại đủ tiêu chuẩn để uỷ quyền thực hiện việc giao dịch đối ngoại, thanh toán, cung cấp dịch vụ ngân hàng cho dự án ODA. Danh sách các ngân hàng thương mại đủ tiêu chuẩn do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phối hợp với Bộ Tài chính xác định và công bố.

b) Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng phục vụ

- Đáp ứng đầy đủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tỉ lệ đảm bảo an toàn tài chính áp dụng đối với các tổ chức tín dụng;

- Có địa bàn hoạt động phù hợp với địa bàn của dự án ODA;

- Cam kết tuân thủ các quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính và quy định của nhà tài trợ về quản lý nguồn vốn ODA;

c) Lựa chọn ngân hàng phục vụ:

- Căn cứ danh sách các ngân hàng đủ tiêu chuẩn là ngân hàng phục vụ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính công bố và văn bản đề nghị của ngân hàng thương mại, Bộ Tài chính xem xét chấp thuận việc lựa chọn ngân hàng phục vụ dự án ODA.

- Trong trường hợp có nhiều ngân hàng thương mại đủ điều kiện cùng có đề nghị phục vụ một dự án ODA, ưu tiên lựa chọn các ngân hàng sau: ngân hàng có kinh nghiệm trong phục vụ dự án ODA; ngân hàng thương mại nhà nước; ngân hàng thương mại cổ phần do nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối.

- Trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính chưa công bố danh sách các ngân hàng thương mại đủ điều kiện là ngân hàng phục vụ, trên cơ sở đề nghị của ngân hàng thương mại, Bộ Tài chính trao đổi lấy ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và nhà tài trợ để lựa chọn ngân hàng phục vụ.

3. Bổ sung thêm đoạn 6, điểm 2, mục V, phần I như sau:

“Trường hợp dự án ODA áp dụng hình thức thanh toán qua tài khoản đặc biệt thì giao dịch chuyển đổi ngoại tệ trên tài khoản đặc biệt sang VND hoặc sang ngoại tệ khác để thanh toán được thực hiện với ngân hàng phục vụ. Mọi trường hợp ngân hàng phục vụ mua ngoại tệ của dự án đều phải áp dụng tỉ giá niêm yết của ngân hàng phục vụ tại thời điểm thực hiện mua ngoại tệ”.

4. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất, điểm 1 đ), mục I, phần II như sau:

“- Thanh toán từ Tài khoản tạm ứng/Tài khoản đặc biệt (sau đây viết tắt là TKTU) đối với các dự án chỉ có một cấp TKTU, hoặc thanh toán từ TKTU cấp 1 đối với dự án có nhiều cấp TKTU”.

5. Sửa đổi, bổ sung các điểm a, b, c, d và bãi bỏ điểm đ khoản 3, mục I, phần II như sau:

“a) Hồ sơ và thủ tục kiểm soát chi đối với dự án đầu tư xây dựng thuộc diện NSNN cấp phát:

Hồ sơ và thủ tục kiểm soát chi đối với dự án đầu tư xây dựng thuộc diện NSNN cấp phát được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27/2007/TT-BTC ngày 03/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư và xây dựng thuộc nguồn vốn NSNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) đối với Thông tư số 27/2007/TT-BTC. Hồ sơ (01 bộ) cụ thể như sau:

- Hồ sơ, tài liệu gửi lần đầu (trừ trường hợp có bổ sung, điều chỉnh thì gửi lại tài liệu được bổ sung, điều chỉnh):

+ Thỏa thuận tài trợ được ký giữa Chính phủ Việt Nam với nhà tài trợ (bản dịch bằng tiếng Việt có chữ ký và dấu của chủ dự án);

+ Dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đối với dự án chỉ lập Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật) kèm Quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền (bản sao);

+ Văn bản lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu, gồm đấu thầu, chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp, chào hàng cạnh tranh, tự thực hiện và lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt (bản sao);

+ Hợp đồng giữa chủ dự án và nhà thầu và các tài liệu đi kèm hợp đồng liên quan đến điều kiện thanh toán, trừ các bản vẽ, các tài liệu về thiết kế, kỹ thuật (bản sao); đối với hợp đồng chỉ ký bằng tiếng nước ngoài thì gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt phần các quy định về thanh toán của hợp đồng, có chữ ký và đóng dấu của chủ dự án; Thư không phản đối của nhà tài trợ (nếu áp dụng);

+ Dự toán chi tiết và quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền của từng công việc, hạng mục công trình đối với các gói thầu chỉ định thầu và tự thực hiện (bản sao).

+ Đối với các dự án thuộc chương trình tín dụng chuyên ngành của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA), các dự án ODA có tiểu dự án, hay các dự án thành phần thực hiện trên nhiều tỉnh thì chủ dự án không phải gửi Thỏa thuận vay/ thỏa thuận tài trợ, nhưng gửi cơ quan kiểm soát chi cấp tỉnh, huyện các hồ sơ, tài liệu xác định tỷ lệ tài trợ của dự án.

- Hồ sơ, tài liệu xác nhận vốn tạm ứng: Khi tạm ứng, ngoài các hồ sơ, tài liệu đã gửi lần đầu, chủ dự án gửi cơ quan kiểm soát chi các tài liệu sau: Bảo lãnh tạm ứng với trị giá bằng trị giá đề nghị tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải có thời hạn đảm bảo thu hồi hết tạm ứng theo quy định của hợp đồng; Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; Giấy rút vốn đầu tư (trường hợp tạm ứng vốn trong nước).

Mức vốn tạm ứng, thu hồi tạm ứng căn cứ quy định của hợp đồng, phù hợp với quy định hiện hành trong nước và theo điều ước Quốc tế. Chủ dự án chịu trách nhiệm thu hồi đầy đủ số vốn ứng theo hợp đồng và thu hồi hết khi thanh toán đạt 80% giá trị hợp đồng.

- Hồ sơ, tài liệu xác nhận thanh toán khối lượng hoàn thành:

+ Đối với trường hợp thanh toán theo hợp đồng: Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng (bản chính); Khi có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng, chủ dự án gửi Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng (bản chính); Đề nghị thanh toán của nhà thầu/nhà cung cấp có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu; Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có);

+ Đối với trường hợp thanh toán không theo hợp đồng: Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư (bản chính); Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có); Bảng kê chứng từ chi;

+ Đối với trường hợp chủ dự án có thuê hợp đồng lao động thì hồ sơ còn kèm theo bảng danh sách tiền lương, hợp đồng lao động; trường hợp tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn thông qua hợp đồng, chủ dự án cung cấp hợp đồng, bảng kê chứng từ v.v... Chủ dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm về giá trị đề nghị thanh toán, nên không phải gửi các hóa đơn, chứng từ chi đến cơ quan kiểm soát chi.

- Đối với các công trình, gói thầu do dân được phép tự làm:

+ Hồ sơ, tài liệu tạm ứng, thanh toán khối lượng đầu tư xây dựng hoàn thành được thực hiện tương tự như mục trên (về hồ sơ, tài liệu xác nhận vốn tạm ứng và hồ sơ, tài liệu xác nhận thanh toán khối lượng hoàn thành). Trong đó hợp đồng được ký giữa chủ đầu tư và Tổ hoặc Đội thi công xây dựng.

- Hồ sơ thanh toán cho hợp đồng tư vấn theo hình thức trọn gói và căn cứ vào sản phẩm là báo cáo của tư vấn:

+ Công văn nghiệm thu sản phẩm của chủ dự án đối với báo cáo tư vấn bằng tiếng nước ngoài kèm theo sản phẩm của hợp đồng (nếu thanh toán theo sản phẩm);

Bảng kê tóm tắt giá trị thanh toán tiền độ có xác nhận của chủ dự án/ban quản lý dự án (nếu thanh toán theo tiền độ).

b) Hồ sơ và thủ tục kiểm soát chi đối với dự án hành chính sự nghiệp (HCSN) thuộc diện NSNN cấp phát:

- Các khoản chi được cấp tạm ứng hoặc đủ điều kiện để cấp thanh toán được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về cấp phát, thanh toán các khoản chi NSNN qua Kho bạc Nhà nước. Trường hợp điều ước Quốc tế hoặc nhà tài trợ có quy định riêng thì thực hiện theo điều ước Quốc tế hay quy định riêng đó. Ngoài ra, đối với dự án ODA, để kiểm soát chi, chủ dự án gửi đến cơ quan kiểm soát chi các tài liệu sau:

+ Hồ sơ, tài liệu gửi lần đầu (trừ trường hợp có bổ sung, điều chỉnh thì gửi lại tài liệu được bổ sung, điều chỉnh): Thỏa thuận tài trợ được ký giữa Chính phủ Việt Nam với nhà tài trợ (bản dịch bằng tiếng Việt có chữ ký và dấu của chủ dự án/ban quản lý dự án); Thư không phản đối của nhà tài trợ đối với hợp đồng (nếu áp dụng).

c) Hồ sơ và thủ tục kiểm soát chi dự án cho vay lại, trừ dự án hạn mức tín dụng:

Thực hiện theo quy định tại điểm 3.a nêu trên.

d) Hồ sơ và thủ tục kiểm soát chi dự án cho vay lại theo hạn mức tín dụng:

Hồ sơ và thủ tục kiểm soát chi đối với các dự án tín dụng hoặc hợp phần tín dụng trong các dự án thực hiện theo quy định của các tổ chức tín dụng sử dụng vốn ODA vay lại và phù hợp với quy định của hiệp định tài trợ và dự án. Tổ chức tín dụng vay lại vốn ODA chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn và hợp lệ của các khoản cho vay tín dụng và các khoản chi tiêu phi tín dụng trong sao kê chi tiêu gửi Bộ Tài chính khi làm đề nghị rút vốn ngoài nước”.

6. Sửa đổi điểm 4.c, mục I, phần II như sau:

“Cơ quan kiểm soát chi có trách nhiệm kiểm soát chi hoặc từ chối thanh toán trong vòng 7 ngày làm việc đối với trường hợp kiểm soát chi trước; và trong vòng 4 ngày làm việc đối với trường hợp kiểm soát chi sau kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ”.

7. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ hai, đoạn 3, điểm 6, mục III, phần II như sau:

“- Sao kê chuyển tiền chứng minh khoản thanh toán đã thực hiện cho nhà thầu/người hưởng lợi hoặc xác nhận đã nhận được vốn thanh toán của nhà thầu/người hưởng lợi;”

8. Sửa đổi điểm 2, mục II, phần III như sau:

“Mọi chương trình, dự án sử dụng vốn ODA vay phải được kiểm toán bởi Kiểm toán nhà nước hoặc kiểm toán độc lập. Việc kiểm toán phù hợp với quy định trong nước và quy định của nhà tài trợ”.

9. Bổ sung điểm 6 mục II, phần III như sau:

“6. Chủ dự án có trách nhiệm cung cấp báo cáo kiểm toán cho cơ quan chủ quản dự án, nhà tài trợ, cơ quan tài chính. Trường hợp dự án không được kiểm toán bởi Kiểm toán nhà nước thì chủ dự án đồng gửi báo cáo kiểm toán cho Kiểm toán nhà nước.”

10. Sửa đổi, bổ sung mục III, phần III như sau:

“1. Các dự án HCSN sử dụng vốn ODA thực hiện quyết toán hàng năm theo quy định tại Thông tư số 01/2007/TT-BTC ngày 02/01/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và ngân sách các cấp, và các văn bản bổ sung, sửa đổi hoặc thay thế Thông tư này (nếu có).

2. Các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ODA thực hiện quyết toán hàng năm theo quy định tại Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về việc quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm, và thực hiện quyết toán dự án hoàn thành theo quy định tại Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước và các văn bản bổ sung, sửa đổi hoặc thay thế các Thông tư này (nếu có).”

11. Sửa đổi, bổ sung điểm 1, điểm 2 mục I, phần IV như sau:

“1. Các Ban quản lý dự án ODA được thành lập theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức ban hành kèm theo Nghị định 131/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Chính phủ được trang cấp tài sản, thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định tại Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; Chỉ thị số 17/2007/CT-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý tài sản của các Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước, và hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Nhà thầu, tư vấn, giám sát dự án ODA tự đảm bảo tài sản để phục vụ việc tư vấn, giám sát, thi công bằng tài sản thuộc sở hữu của mình hoặc đi thuê. Ban quản lý dự án không đầu tư, mua sắm tài sản để cung cấp cho nhà thầu, tư vấn, giám sát và không bố trí kinh phí mua sắm tài sản trong hợp đồng tư vấn, giám sát, thi công.”

12. Sửa đổi điểm 2, mục III, phần IV như sau:

“2. Đối với xe ô tô phục vụ công tác gồm cả xe chuyên dùng (nếu cần): Cơ quan được giao thực hiện chương trình, dự án sắp xếp, bố trí trong số phương tiện hiện có để phục vụ công tác quản lý của ban quản lý dự án. Trường hợp không bố trí, sắp xếp được thì ban quản lý dự án được mua hoặc thuê phương tiện đi lại theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế về ODA đã ký”.

13. Sửa đổi mục VI, phần IV như sau:

“Việc xử lý tài sản của các dự án khi dự án kết thúc hoặc không cần sử dụng trong quá trình thực hiện quản lý dự án phải được thực hiện theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước khi dự án kết thúc và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.”.

Điều 2.

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 6 năm 2011.
2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để hướng dẫn, phối hợp giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Xuân Hà